

Số: 267/2019/QĐST-HNGĐ

Hà Đông, ngày 30 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HD**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 565/2019/TLST - VHNGĐ ngày 22/8/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1992; trú tại: xã CB, huyện QV, tỉnh BN và Chị Trịnh Phương T, sinh năm: 1991; trú tại: căn hộ M 1402, HG, phường ML, quận HD, thành phố HN.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tình cảm: anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Phương T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã CB, huyện QV, tỉnh BN ngày 17/12/2015 do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình thì việc anh Đ và chị T thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày: 14/9/2016. Anh chị thống nhất để chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 3.000.000đ/tháng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4]. Về lệ phí: anh Đ và chị T phải chịu 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Phương T (Giấy chứng nhận kết hôn số xx quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã CB, QV, BN ngày 17/12/2015 cấp không còn giá trị).

1.2. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày: 14/9/2016. Anh chị thống nhất để chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 3.000.000đ/tháng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Phương T phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình đã nộp theo biên lai thu số 0008104 và 0008103 ngày 22/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HD.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Thị Ngọc Mai***